

Trường:
.....

Họ và tên: Lớp:
5.....

Điểm	Nhận xét của giáo viên

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1 – MÔN TOÁN LỚP 5

Bộ sách: Kết nối tri thức với cuộc sống · Bộ đề 4

Thời gian làm bài: 40 phút

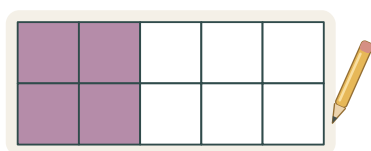
I. TRẮC NGHIỆM (3 điểm)

Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng.

Câu 1 (0,5 điểm). Trong các số 2,05; 2,50; 5,02; 5,20, số bé nhất là:

- A. 2,05 B. 2,50 C. 5,02 D. 5,20

Câu 2 (0,5 điểm). Phần tô màu trong hình ứng với phân số nào?



- A. $\frac{3}{5}$ B. $\frac{2}{5}$ C. $\frac{4}{5}$ D. $\frac{1}{5}$

Câu 3 (0,5 điểm). Số nào khi làm tròn đến hàng đơn vị được 13?

- A. 12,49 B. 13,6 C. 11,95 D. 12,51

Câu 4 (0,5 điểm). Một bạn đổi 3 ha 7 m² thành 30 070 m². Kết quả đúng là:

- A. 3 007 m² B. 30 700 m² C. 30 007 m² D. 300 007 m²

Câu 5 (0,5 điểm). Dùng $\frac{2}{3}$ của tấm vải dài 54 m để may áo, mỗi áo cần 3 m. May được bao nhiêu áo?

- A. 12 áo B. 18 áo C. 36 áo D. 6 áo

Câu 6 (0,5 điểm). Tổng hai số là 86, hiệu hai số là 14. Số lớn là:

- A. 36 B. 43 C. 72 D. 50

II. TỰ LUẬN (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm). Tính:

a) $4\frac{1}{2} : \frac{3}{4}$

b) $\frac{2}{5} + 1\frac{3}{4} \times \frac{4}{7}$

Câu 2 (1 điểm). Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 3 m 18 cm = ... m

b) 9 kg 6 g = ... kg

c) 4 ha 90 m² = ... m²

d) 5 km² 27 ha = ... ha

Câu 3 (2 điểm). Một khu đất rộng 1 ha 200 m². Người ta dùng $\frac{3}{5}$ diện tích khu đất làm sân thể thao. Tính diện tích sân theo mét vuông.

Câu 4 (2 điểm). Một phòng học hình chữ nhật dài 8 m, rộng 6 m. Người ta dùng gạch hình vuông cạnh 4 dm để lát kín nền phòng. Hỏi cần bao nhiêu viên gạch? Coi phần mạch vữa không đáng kể.

----- Hết -----

ĐÁP ÁN

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I. TRẮC NGHIỆM (3 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	A	B	D	C	A	D

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm.

Câu 1. Phương pháp: So sánh phần nguyên, sau đó so sánh từng hàng ở phần thập phân.

Lời giải: 2,05 và 2,50 có phần nguyên bé hơn hai số còn lại. Ở hàng phần mười, 0 bé hơn 5 nên 2,05 bé nhất.

Đáp án: A.

Câu 2. Phương pháp: Đếm phần tô rồi rút gọn.

Lời giải: Có 4 phần tô trong 10 phần bằng nhau; $\frac{4}{10} = \frac{2}{5}$.

Đáp án: B.

Câu 3. Phương pháp: Xét chữ số hàng phần mười của từng số.

Lời giải: 12,51 làm tròn lên 13; các số còn lại lần lượt làm tròn thành 12, 14 và 12.

Đáp án: D.

Câu 4. Phương pháp: Đổi 3 ha rồi cộng 7 m².

Lời giải: 3 ha = 30 000 m² nên 3 ha 7 m² = 30 007 m².

Đáp án: C.

Câu 5. Phương pháp: Tìm lượng vải được dùng rồi chia định mức một áo.

Lời giải: Vải dùng: $54 \times \frac{2}{3} = 36$ (m). Số áo: $36 : 3 = 12$ (áo).

Đáp án: A.

Câu 6. Phương pháp: Số lớn bằng tổng cộng hiệu rồi chia 2.

Lời giải: $(86 + 14) : 2 = 50$.

Đáp án: D.

II. TỰ LUẬN (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm). Phương pháp: Đổi hỗn số thành phân số; chia bằng nhân với phân số đảo ngược; nhân trước cộng sau.

Lời giải:

a) $4 \frac{1}{2} = \frac{9}{2}$.

$$\frac{9}{2} : \frac{3}{4} = \frac{9}{2} \times \frac{4}{3} = 6.$$

b) $1 \frac{3}{4} = \frac{7}{4}$.

$$\frac{7}{4} \times \frac{4}{7} = 1.$$

$$\frac{2}{5} + 1 = \frac{7}{5}.$$

Chấm điểm: Mỗi ý 1 điểm: bước biến đổi đúng 0,5 điểm, tính đúng kết quả 0,5 điểm.

Câu 2 (1 điểm). Phương pháp: Dùng quan hệ giữa các đơn vị ghi trong từng ý; viết đúng vị trí dấu phẩy khi đổi sang đơn vị lớn hơn.

Lời giải:

a) $3\text{ m } 18\text{ cm} = 3,18\text{ m}$.

b) $9\text{ kg } 6\text{ g} = 9,006\text{ kg}$.

c) $4\text{ ha } 90\text{ m}^2 = 40\,090\text{ m}^2$.

d) $5\text{ km}^2\,27\text{ ha} = 527\text{ ha}$.

Chấm điểm: Mỗi ý đúng được 0,25 điểm.

Câu 3 (2 điểm). Phương pháp: Đổi diện tích ban đầu về mét vuông trước khi tìm một phần của nó.

Lời giải:

Diện tích khu đất là:

$$1\text{ ha } 200\text{ m}^2 = 10\,200\text{ m}^2.$$

Diện tích sân thể thao là:

$$10\,200 \times \frac{3}{5} = 6\,120\text{ (m}^2\text{)}.$$

Đáp số: $6\,120\text{ m}^2$.

Chấm điểm: Mỗi bước tính đúng kèm lời giải phù hợp được 1 điểm; điểm bước cuối bao gồm đáp số. Chấp nhận cách giải khác đúng.

Câu 4 (2 điểm). Phương pháp: Tính diện tích nền phòng và một viên gạch theo cùng đơn vị, rồi lấy diện tích nền chia cho diện tích một viên.

Lời giải:

Diện tích nền phòng là:

$$8 \times 6 = 48\text{ (m}^2\text{)}.$$

$$\text{Đổi } 48\text{ m}^2 = 4\,800\text{ dm}^2.$$

Diện tích một viên gạch là:

$$4 \times 4 = 16\text{ (dm}^2\text{)}.$$

Số viên gạch cần dùng là:

$$4\,800 : 16 = 300\text{ (viên)}.$$

Đáp số: 300 viên gạch.

Chấm điểm: Diện tích nền: 0,5 điểm; đổi đơn vị: 0,25 điểm; diện tích viên gạch: 0,5 điểm; số viên gạch và đáp số: 0,75 điểm. Chấp nhận cách giải khác đúng.